

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/KDTM-ST

Ngày: 15/11/2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH Đ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị B

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trang Văn H

Ông Huỳnh Đ

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc B -Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố B-tỉnh Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ : Bà Phan Thị M - kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý 135/2020/TLST–KDTM ngày 10/10/2020, về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2022/QĐST- KDTM ngày 10/10/2022; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V

Địa chỉ: Số 89, L, phường L, quận Đ, Thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T – Phó Giám đốc trung tâm xử lý nợ Pháp lý (Theo văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT, ngày 07/7/2020).

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà ACM – số 96 đường C, phường 4, quận 3, Thành phố H.

Ông Đỗ Thành T ủy quyền lại cho:

1. Ông Trần Văn B, sinh năm 1988

2. Bà Đào Thị Thanh H, sinh năm 1997

Cùng địa chỉ liên lạc: Tầng 1, Tòa nhà ACM – số 96 đường C, phường 4, quận 3, Thành phố H. (Văn bản ủy quyền số: 1858/2022/UQ-PGD ngày 01/8/2022).

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Toàn Vân P

Địa chỉ: D60, KP1, phường B, thành phố B, tỉnh Đ.

Đại diện theo pháp luật: Lê Thị Kim L – chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1961 và ông Võ Văn D, sinh năm 1955

Cùng địa chỉ: E173, đường A6, KP7, Phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

(Ông B có mặt, bà L, ông D vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, ông Trần Văn Biên đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) T đã vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) Việt Nam T – Chi nhánh Đ theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: SME/DNI/18/0090/HDHM ngày 30/11/2018 với các nội dung theo các khế ước nhận nợ sau:

+ Lần 01, khế ước nhận nợ số: SME/DNI/18/0090/HDHM ngày 30/11/2018; số tiền vay 249.135.865 đồng; thời hạn vay: 12 tháng; ngày giải ngân: 30/11/2018; ngày đến hạn: 30/11/2019; lãi suất tại thời điểm giải ngân là 17,9%/năm điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, mua bán thiết bị điện.

+ Lần 02, khế ước nhận nợ số: SME/DNI/18/0090/HDHM ngày 06/12/2018; số tiền vay 410.155.418 đồng; thời hạn vay: 12 tháng; ngày giải ngân: 06/12/2018; ngày đến hạn: 06/12/2019; lãi suất tại thời điểm giải ngân là 17,9%/năm điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, mua bán thiết bị điện.

+ Lần 03, khế ước nhận nợ số: SME/DNI/18/0090/HDHM ngày 06/12/2018; số tiền vay 292.094.699 đồng; thời hạn vay: 12 tháng; ngày giải ngân: 06/12/2018; ngày đến hạn: 06/12/2019; lãi suất tại thời điểm giải ngân là 17,9%/năm điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, mua bán thiết bị điện.

+ Lần 04, khế ước nhận nợ số: SME/DNI/18/0090/HDHM ngày 19/12/2018; số tiền vay 48.614.018 đồng; thời hạn vay: 12 tháng; ngày giải ngân: 19/12/2018; ngày đến hạn: 19/12/2019; lãi suất tại thời điểm giải ngân là 17,9%/năm điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, mua bán thiết bị điện.

+ Lần 05, khế ước nhận nợ số: SME/DNI/18/0090/HDHM ngày 28/01/2019; số tiền vay 89.954.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng; ngày giải ngân: 28/01/2019; ngày đến hạn: 28/01/2020; lãi suất tại thời điểm giải ngân là 17,9%/năm điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, mua bán

thiết bị điện.

+ Lần 06, khế ước nhận nợ số: SME/DNI/18/0090/HDHM ngày 30/01/2019; số tiền vay 79.292.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng; ngày giải ngân: 30/01/2019; ngày đến hạn: 30/01/2020; lãi suất tại thời điểm giải ngân là 17,9%/năm điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, mua bán thiết bị điện.

+ Lần 7, khế ước nhận nợ số: SME/DNI/18/0090/HDHM ngày 27/02/2019; số tiền vay 97.454.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng; ngày giải ngân: 27/02/2019; ngày đến hạn: 27/02/2020; lãi suất tại thời điểm giải ngân là 17,9%/năm điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, mua bán thiết bị điện.

+ Lần 8, khế ước nhận nợ số: SME/DNI/18/0090/HDHM ngày 27/3/2019; số tiền vay 105.584.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng; ngày giải ngân: 27/3/2019; ngày đến hạn: 27/3/2020; lãi suất tại thời điểm giải ngân là 18,9%/năm điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, mua bán thiết bị điện.

+ Lần 9, khế ước nhận nợ số: SME/DNI/18/0090/HDHM ngày 26/4/2019; số tiền vay 114.384.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng; ngày giải ngân: 26/4/2019; ngày đến hạn: 26/4/2020; lãi suất tại thời điểm giải ngân là 18,6%/năm điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, mua bán thiết bị điện.

+ Lần 10, khế ước nhận nợ số: SME/DNI/18/0090/HDHM ngày 27/5/2019; số tiền vay 123.934.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng; ngày giải ngân: 27/5/2019; ngày đến hạn: 27/5/2020; lãi suất tại thời điểm giải ngân là 18,6%/năm điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, mua bán thiết bị điện.

+ Lần 11, khế ước nhận nợ số: SME/DNI/18/0090/HDHM ngày 26/6/2019; số tiền vay 134.264.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng; ngày giải ngân: 26/6/2019; ngày đến hạn: 26/6/2020; lãi suất tại thời điểm giải ngân là 18,6%/năm điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, mua bán thiết bị điện.

+ Lần 12, khế ước nhận nợ số: SME/DNI/18/0090/HDHM ngày 26/7/2019; số tiền vay 145.454.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng; ngày giải ngân: 26/7/2019; ngày đến hạn: 26/7/2020; lãi suất tại thời điểm giải ngân là 18,6%/năm điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, mua bán thiết bị điện.

+ Lần 13, khế ước nhận nợ số: SME/DNI/18/0090/HDHM ngày 27/8/2019; số tiền vay 157.584.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng; ngày giải ngân: 27/8/2019; ngày đến hạn: 27/8/2020; lãi suất tại thời điểm giải ngân là 18,7%/năm điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, mua bán

thiết bị điện.

+ Lần 14, khế ước nhận nợ số: SME/DNI/18/0090/HDHM ngày 26/9/2019; số tiền vay 170.784.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng; ngày giải ngân: 26/9/2019; ngày đến hạn: 26/9/2020; lãi suất tại thời điểm giải ngân là 18,7%/năm điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, mua bán thiết bị điện.

Tổng số tiền gốc Ngân hàng TMCP Việt Nam T đã cho công ty TNHH Toàn Vân P vay là: 2.218.688.000 đồng.

Khoản vay trên được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của bà Lê Thị Kim L và ông Võ Văn D theo Hợp đồng bảo lãnh số:

SME/DNI/18/0090/HDBL.01 ngày 30/11/2018 và Hợp đồng bảo lãnh số:

SME/DNI/18/0090/HDBL.02 ngày 30/11/2018. Khoản tín dụng cấp cho Công ty TNHH Toàn Vân P không thực hiện biện pháp bảo đảm bằng thế chấp tài sản, không có đăng ký giao dịch bảo đảm.

Công ty TNHH Toàn Vân P đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T tổng cộng số tiền: 1.363.981.236 đồng. Trong đó, trả nợ gốc: 1.218.707.620 đồng, trả nợ lãi là: 145.273.616 đồng. Cụ thể:

+ Theo khế ước nhận nợ lần 01 số: SME/DNI/18/0090/HDHM ngày 30/11/2018 thì Công ty TNHH Toàn Vân P đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền: 230.171.800 đồng. Trong đó, trả nợ gốc là: 207.700.332 đồng, trả nợ lãi là: 22.471.468 đồng.

+ Theo khế ước nhận nợ lần 02 số: SME/DNI/18/0090/HDHM ngày 06/12/2018; thì Công ty TNHH Toàn Vân P đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền: 378.643.721 đồng. Trong đó, trả nợ gốc là: 341.819.288 đồng, trả nợ lãi là: 36.824.433 đồng.

+ Theo khế ước nhận nợ lần 03 số: SME/DNI/18/0090/HDHM ngày 06/12/2018; thì Công ty TNHH Toàn Vân P đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền: 268.920.213 đồng. Trong đó, trả nợ gốc là: 243.420.000 đồng, trả nợ lãi là: 25.500.213 đồng.

+ Theo khế ước nhận nợ lần 04 số: SME/DNI/18/0090/HDHM ngày 19/12/2018; thì Công ty TNHH Toàn Vân P đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền: 40.944.349 đồng. Trong đó, trả nợ gốc là: 36.468.000 đồng, trả nợ lãi là: 4.476.349 đồng.

+ Theo khế ước nhận nợ lần 05 số: SME/DNI/18/0090/HDHM ngày 28/01/2019; thì Công ty TNHH Toàn Vân P đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V số tiền: 67.405.985 đồng. Trong đó, trả nợ gốc là: 60.000.000 đồng, trả nợ lãi là: 7.405.985 đồng.

+ Theo khế ước nhận nợ lần 06 số: SME/DNI/18/0090/HDHM ngày 30/01/2019;

thì Công ty TNHH Toàn Vân P đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền: 66.204.455 đồng. Trong đó, trả nợ gốc là: 59.490.000 đồng, trả nợ lãi là: 6.714.455 đồng.

+ Theo khế ước nhận nợ lần 07 số: SME/DNI/18/0090/HDHM ngày 27/02/2019; thì Công ty TNHH Toàn Vân P đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền: 64.337.063 đồng. Trong đó, trả nợ gốc là: 56.910.000 đồng, trả nợ lãi là: 7.427.063 đồng.

+ Theo khế ước nhận nợ lần 08 số: SME/DNI/18/0090/HDHM ngày 27/3/2019; thì Công ty TNHH Toàn Vân P đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền: 60.604.631 đồng. Trong đó, trả nợ gốc là: 52.800.000 đồng, trả nợ lãi là: 7.804.631 đồng.

+ Theo khế ước nhận nợ lần 09 số: SME/DNI/18/0090/HDHM ngày 26/4/2019; thì Công ty TNHH Toàn Vân P đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền: 55.176.297 đồng. Trong đó, trả nợ gốc là: 47.750.000 đồng, trả nợ lãi là: 7.426.297 đồng.

+ Theo khế ước nhận nợ lần 10 số: SME/DNI/18/0090/HDHM ngày 27/5/2019; thì Công ty TNHH Toàn Vân P đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền: 48.065.114 đồng. Trong đó, trả nợ gốc là: 41.320.000 đồng, trả nợ lãi là: 6.745.114 đồng.

+ Theo khế ước nhận nợ lần 11 số: SME/DNI/18/0090/HDHM ngày 26/6/2019; thì Công ty TNHH Toàn Vân P đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền: 39.359.351 đồng. Trong đó, trả nợ gốc là: 33.570.000 đồng, trả nợ lãi là: 5.789.351 đồng.

+ Theo khế ước nhận nợ lần 12 số: SME/DNI/18/0090/HDHM ngày 26/7/2019; thì Công ty TNHH Toàn Vân P đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền: 28.606.947 đồng. Trong đó, trả nợ gốc là: 24.260.000 đồng, trả nợ lãi là: 4.346.947 đồng.

+ Theo khế ước nhận nợ lần 13 số: SME/DNI/18/0090/HDHM ngày 27/8/2019; thì Công ty TNHH Toàn Vân P đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền: 15.541.310 đồng. Trong đó, trả nợ gốc là: 13.200.000 đồng, trả nợ lãi là: 2.341.310 đồng.

Các khoản vay của Công ty TNHH Toàn Vân P chuyển nợ quá hạn và chịu lãi suất quá hạn từ ngày 25/10/2019. Nhiều lần Ngân hàng TMCP Việt Nam T đã yêu cầu công ty TNHH Toàn Vân P thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng Công ty TNHH Toàn Vân P không thực hiện.

Do đó, Ngân hàng TMCP Việt Nam T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH Toàn Vân P phải trả số tiền còn nợ Ngân hàng tính tới ngày 15/11/2022 là: 1.962.500.212 đồng, trong đó: Nợ gốc: 999.980.380 đồng, nợ lãi: 962.519.832 đồng.

Ngoài ra Công ty TNHH Toàn Vân P phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp

đồng tín dụng đã ký trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T.

Về các chi phí tổ tụng khác, Ngân hàng TMCP Việt Nam T yêu cầu Công ty TNHH Toàn Vân P phải thanh toán lại cho Ngân hàng chi phí tổ tụng: 4.661.237 đồng chi phí đăng báo và đăng đài phát thanh mà phía Ngân hàng Ngân hàng TMCP Việt Nam T đã nộp.

Trường hợp Công ty TNHH Toàn Vân P không có khả năng thanh toán cả khoản nợ trên thì bên bảo lãnh là bà Lê Thị Kim L và ông Võ Văn D có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay trên theo hợp đồng bảo lãnh số SME/DNI/18/0090/HDBL.01 ngày 30/11/2018 và Hợp đồng bảo lãnh số: SME/DNI/18/0090/HDBL.02 ngày 30/11/2018.

*Bị đơn công ty TNHH Toàn Vân P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Kim L và ông Võ Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến nay là phù hợp đúng với quy định của pháp luật. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành các quy định của pháp luật.

Hồ sơ vụ án thể hiện Công ty TNHH Toàn Vân P vay vốn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam T – Chi nhánh Đ theo hợp đồng cho vay hạn mức số SME/DNI/18/0090/HDHM ngày 30/11/2018 bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh mua bán thiết bị điện. Hạn mức cho vay là 1.000.000.000 đồng bao gồm toàn bộ dư nợ vay không tài sản đảm bảo. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng. Theo đó, Ngân hàng TMCP Việt Nam T – Chi nhánh Đ đã cấp tín dụng cho Công ty TNHH Toàn Vân P với tổng số tiền 2.218.688.000 đồng theo 14 khế ước nhận nợ của Công ty TNHH Toàn Vân P. Khoản vay của Công ty TNHH Toàn Vân P tại Ngân hàng TMCP Việt Nam T được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của bà Lê Thị Kim L và ông Võ Văn D theo Hợp đồng bảo lãnh số: SME/DNI/18/0090/HDBL.01 ngày 30/11/2018 và Hợp đồng bảo lãnh số: SME/DNI/18/0090/HDBL.02 ngày 30/11/2018.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH Toàn Vân P đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T tổng cộng số tiền là 1.363.981.236 đồng. Trong đó, trả nợ gốc là 1.218.707.620 đồng, trả nợ lãi là 145.273.616 đồng. Khoản vay của Công ty TNHH Toàn Vân P chuyển nợ quá hạn và chịu lãi suất quá hạn từ ngày 25/10/2019.

Như vậy, Công ty TNHH Toàn Vân P đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên nên việc Ngân hàng TMCP Việt Nam T khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Toàn Vân P thanh toán cho ngân hàng số tiền nợ gốc là 999.980.380 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký giữa nguyên đơn và bị đơn cho đến ngày khoản vay được thanh toán toàn bộ.

Trường hợp Công ty TNHH Toàn Vân P không có khả năng thanh toán theo yêu

cầu nêu trên, bên bảo lãnh là bà Lê Thị Kim L và ông Võ Văn D có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên là có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên,

Căn cứ các Điều 335, 336, 342, 463, 466 Bộ luật dân sự 2015;

Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng 2010.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam T.

Án phí: Bị đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP Việt Nam T là người khởi kiện yêu cầu thực hiện nghĩa vụ hợp đồng tín dụng với Công ty TNHH Toàn Vân P, do đó quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn Công ty TNHH Toàn Vân P có địa chỉ tại thành phố B, tỉnh Đ nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về xác định tư cách tố tụng: Ngân hàng TMCP Việt Nam T là người khởi kiện yêu cầu thực hiện nghĩa vụ hợp đồng tín dụng với Công ty TNHH Toàn Vân P. Bà Lê Thị Kim L và ông Võ Văn D là người đứng ra bảo lãnh nghĩa vụ trả nợ cho công ty TNHH Toàn Vân P. Do đó căn cứ theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự: Ngân hàng TMCP Việt Nam T là nguyên đơn, Công ty TNHH Toàn Vân P là bị đơn, bà Lê Thị Kim L và ông Võ Văn D là người có quyền, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về thủ tục tố tụng: Công ty TNHH Toàn Vân P là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng không tới tham dự phiên Tòa, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Hồ sơ vụ án thể hiện Công ty TNHH Toàn Vân P vay vốn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam T – Chi nhánh Đ theo hợp đồng cho vay hạn mức số SME/DNI/18/0090/HDHM ngày 30/11/2018 bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh mua bán thiết bị điện. Hạn mức cho vay là 1.000.000.000 đồng bao gồm toàn bộ dư nợ vay không tài sản đảm bảo. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng. Theo đó, Ngân hàng TMCP Việt Nam T – Chi nhánh Đ đã cấp tín dụng cho Công ty TNHH Toàn Vân P với tổng số tiền 2.218.688.000 đồng theo 14 khế ước nhận nợ của Công ty TNHH Toàn Vân P. Khoản vay của Công ty TNHH Toàn Vân P tại Ngân hàng TMCP Việt Nam T được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của bà Lê Thị Kim L và ông Võ Văn D theo Hợp đồng bảo lãnh số: SME/DNI/18/0090/HDBL.01 ngày 30/11/2018 và Hợp đồng bảo lãnh số: SME/DNI/18/0090/HDBL.02 ngày 30/11/2018.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH Toàn Vân P đã thanh toán cho

Ngân hàng TMCP Việt Nam T tổng cộng số tiền là 1.363.981.236 đồng Trong đó, trả nợ gốc là 1.218.707.620 đồng, trả nợ lãi là 145.273.616 đồng.Khoản vay của Công ty TNHH Toàn Vân P chuyển nợ quá hạn và chịu lãi suất quá hạn từ ngày 25/10/2019.

Như vậy, Công ty TNHH Toàn Vân P đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên nên việc Ngân hàng TMCP Việt Nam T khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Toàn Vân P thanh toán cho ngân hàng số tiền nợ gốc là 999.980.380 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký giữa nguyên đơn và bị đơn cho đến ngày khoản vay được thanh toán toàn bộ.

Trường hợp Công ty TNHH Toàn Vân P không có khả năng thanh toán theo yêu cầu nêu trên, bên bảo lãnh là bà Lê Thị Kim L và ông Võ Văn D có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên là có cơ sở chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Như vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Công ty TNHH Toàn Vân P phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền nợ tính đến ngày 15/11/2022 là: 1.962.500.212 đồng, trong đó: Nợ gốc: 999.980.380 đồng, nợ lãi: 962.519.832 đồng. Đối với các chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP Việt Nam T được chấp nhận nên yêu cầu Công ty TNHH Toàn Vân P phải thanh toán lại cho Ngân hàng số tiền: 4.661.237 đồng chi phí đăng báo và đăng đài phát thanh.

Về án phí KDTM có giá ngạch: Công ty TNHH Toàn Vân P phải nộp: 70.875.000 đồng (Bảy mươi triệu, tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 30, Điều 35, Điều 203; Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 280, 335, 336, 342, 463, 466 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức Tín Dụng

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/UBTVQH12 ngày 29/12/2016 quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng:

Buộc Công ty TNHH Toàn Vân P phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền 1.962.500.212 đồng (một tỷ, chín trăm sáu mươi hai triệu, năm trăm nghìn, hai trăm mười hai đồng), trong đó: Nợ gốc: 999.980.380 đồng (chín trăm chín mươi chín triệu, chín trăm tám mươi nghìn, ba trăm tám mươi đồng), nợ lãi: 962.519.832 đồng (chín trăm sáu mươi hai triệu, năm trăm mười chín nghìn, tám trăm

ba mươi hai đồng).

Kể từ ngày 15/11/2022 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu các khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP Việt Nam T thì lãi suất mà bên phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP Việt Nam T.

Trường hợp Công ty TNHH Toàn Vân P không có khả năng thi hành án hoặc thi hành án không đủ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T như bản án đã tuyên thì toàn bộ tài sản cá nhân của bà Lê Thị Kim L và ông Võ Văn D theo Hợp đồng bảo lãnh số: SME/DNI/18/0090/HDBL.01 ngày 30/11/2018 và Hợp đồng bảo lãnh số: SME/DNI/18/0090/HDBL.02 ngày 30/11/2018 được ký kết giữa ngân hàng TPCP Việt Nam T với bà Lê Thị Kim L và ông Võ Văn D sẽ được kê biên phát mãi để thi hành án hết các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T theo quy định của pháp luật.

Đối với các chi phí tố tụng khác: Công ty TNHH Toàn Vân P phải thanh toán lại cho Ngân hàng TPCP Việt Nam T số tiền: 4.661.237 đồng chi phí đăng báo và đăng đài phát thanh.

Về án phí KDTM có giá ngạch: Công ty TNHH Toàn Vân P phải nộp: 70.875.000 đồng (Bảy mươi triệu, tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.924.000 đồng (hai mươi bốn triệu, chín trăm hai mươi bốn nghìn đồng) theo Biên lai số 0007672 ngày 07/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh
- VKS
- THA Dân sự
- Lưu
- Đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị B